

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI TRUNG AN HI-TECH FARMING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HN-TA HITECH FARMING .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109159246

**3. Ngày thành lập:** 15/04/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 4 tòa văn phòng HH-N01, Số 47 Nguyễn Tuân, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0778.404.021

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                  | 1074(Chính) |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                | 4631        |
| 3.  | Trồng cây ăn quả                                                                                              | 0121        |
| 4.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                               | 1010        |
| 5.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                  | 1030        |
| 6.  | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                 | 1071        |
| 7.  | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                           | 1073        |
| 8.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                | 1079        |
| 9.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                             | 4721        |
| 10. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ bán buôn động vật sống bị cấm) | 4620        |
| 11. | Bán buôn đồ uống                                                                                              | 4633        |
| 12. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo                                                                         | 4634        |
| 13. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                          | 4641        |
| 14. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                           | 4651        |
| 15. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                            | 4652        |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                        | 4653        |
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                               | 4659        |
| 18. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                           | 4511        |
| 19. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                   | 4512        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                       | 4513 |
| 21. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                          | 4520 |
| 22. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                      | 4530 |
| 23. | Bán mô tô, xe máy<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                       | 4541 |
| 24. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                     | 4542 |
| 25. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                   | 4543 |
| 26. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                      | 4610 |
| 27. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                      | 4632 |
| 28. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722 |
| 29. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                                     | 4662 |
| 30. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663 |
| 31. | Xay sát và sản xuất bột thô                                                                                                                                             | 1061 |
| 32. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649 |
| 33. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 34. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                          | 4329 |
| 35. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592 |
| 36. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312 |
| 37. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101 |
| 38. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102 |
| 39. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212 |
| 40. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291 |
| 41. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 42. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                           | 3700 |
| 43. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                          | 3811 |
| 44. | Thu gom rác thải độc hại<br>Chi tiết:<br>- Thu gom chất thải nguy hại                                                                                                   | 3812 |
| 45. | Tái chế phế liệu<br>Chi tiết: - Tái chế phế liệu kim loại<br>- Tái chế phế liệu phi kim loại                                                                            | 3830 |
| 46. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                | 3821 |

|     |                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|------|
| 47. | Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại<br>Chi tiết:<br>- Xử lý chất thải nguy hại | 3822 |
| 48. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                             | 3900 |
| 49. | Sản xuất điện                                                                 | 3511 |
| 50. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                         | 1075 |
| 51. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                       | 1104 |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 10.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức            | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TRUNG AN | 649A, Quốc Lộ 91, KV Qui Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 3.000.000  | 30.000.000.000        | 30,000    | 1800241736                                                                                  |         |
|     |                                                    |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                    |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                    |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                    |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                    |                                                                                                 | Tổng số                   | 3.000.000  | 30.000.000.000        | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                                                    |                                                                                                 |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                    |                                                                                                                 |                                    |               |                |        |                  |  |
|---|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|----------------|--------|------------------|--|
| 2 | LÊ THỊ THU TRANG   | Số 15 Xóm Quán,<br>Xã Thủy Đường,<br>Huyện Thủy<br>Nguyên, Thành<br>phố Hải Phòng,<br>Việt Nam                  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 2.100.0<br>00 | 21.000.000.000 | 21,000 | 031734734        |  |
|   |                    |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                                                 | Tổng số                            | 2.100.0<br>00 | 21.000.000.000 | 21,000 |                  |  |
|   |                    |                                                                                                                 |                                    |               |                |        |                  |  |
| 3 | BÙI THỊ HOA        | P1502, CT8C,<br>Chung Cư Đại<br>Thanh, Xã Tả<br>Thanh Oai,<br>Huyện Thanh Trì,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 700.000       | 7.000.000.000  | 7,000  | 0361870096<br>37 |  |
|   |                    |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                                                 | Tổng số                            | 700.000       | 7.000.000.000  | 7,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                                                 |                                    |               |                |        |                  |  |
| 4 | NGUYỄN<br>MINH THU | Thôn Phú Đa, Xã<br>Đức Thượng,<br>Huyện Hoài Đức,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                              | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.200.0<br>00 | 12.000.000.000 | 12,000 | 017175628        |  |
|   |                    |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                                                 | Tổng số                            | 1.200.0<br>00 | 12.000.000.000 | 12,000 |                  |  |
|   |                    |                                                                                                                 |                                    |               |                |        |                  |  |

|   |                      |                                                                                                    |                                    |               |                |        |                  |
|---|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|----------------|--------|------------------|
| 5 | NGUYỄN<br>HOÀNG LINH | Số 20, ngõ 178<br>Thái Hà, Phường<br>Trung Liệt, Quận<br>Đống Đa, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 3.000.0<br>00 | 30.000.000.000 | 30,000 | 0000950000<br>56 |
|   |                      |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000  |                  |
|   |                      |                                                                                                    | Tổng số                            | 3.000.0<br>00 | 30.000.000.000 | 30,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/07/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 000095000056

Ngày cấp: 08/08/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 20, ngõ 178 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 60 Pháo Đài Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội